

Trường:..... Họ và tên giáo viên:.....

Tổ:.....

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 3 – LỜI SỐNG NÚI

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- ❖ Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại
- ❖ Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp, biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản,
- ❖ Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.
- ❖ Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

3. Phẩm chất:

- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Để một văn bản nghị luận có tính logic, chặt chẽ chúng ta cần quan tâm vào yếu tố nào?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung chủ đề *Lời sông núi* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.
- b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ đề bài học.
- c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh thực hiện đọc phần giới thiệu bài học trng 57 – SGK - GV đặt câu hỏi: Em hãy kể tên một số nhân vật kiệt xuất – những anh hùng lịch sử của dân tộc Việt Nam mà em biết? Em có suy nghĩ gì về những đóng góp của họ cho đất nước? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ câu trả lời <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu trả lời của học sinh <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia nhiệm vụ của lớp - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng. 	<p>I. Giới thiệu bài học.</p> <p>Trong suốt chiều dài lịch sử, biết bao thế hệ người Việt Nam đã hi sinh xương máu để xây đắp và gìn giữ đất nước mình. Gia tài vô cùng quý báu trong truyền thống của người Việt Nam là lòng yêu nước, là sự gắn bó máu thịt với quê hương. xứ sở. Lòng yêu nước thể hiện ở hành động đấu tranh dựng nước và giữ nước, ở các giá trị tinh thần được tạo nên, trong đó có những áng văn sống mãi với thời gian.</p> <p>Với bài học này, em sẽ đọc một số bài văn nghị luận đặc sắc được viết nên bởi những con người kiệt xuất – những nhân vật lịch sử có trọng trách đối với đất nước, kết tinh hào khí của cha ông trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Các văn bản trong</p>

	<p>bài ra đời vào những thời đại khác nhau, nhưng vẫn đồng điệu ở tình cảm yêu nước, và đều là mẫu mực của văn bản nghị luận. Kết nối với chủ đề bài học là một bài thơ nổi tiếng trong lịch sử văn học dân tộc ra đời cách đây hơn một nghìn năm, thể hiện ý chí độc lập, tự chủ của cha ông ta.</p>
--	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

- a. Mục tiêu:** Cung cấp tri thức ngữ văn về luận đề, luận điểm trong văn bản, mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm và lí lẽ bằng chứng trong văn bản nghị luận.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Tri thức Ngữ văn</p> <p>- Luận đề là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống</p>

vụ học tập

- HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.
- HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chốt lọc ý.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:

Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn về mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 58)

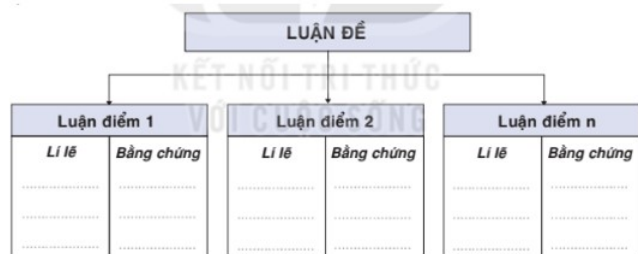
Bước 2: HS thực hiện nhiệm

được nêu để bàn luận.

- **Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.

2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tăng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:



3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp

<p>vụ học tập</p> <p>- HS ghi chép</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- Phần ghi chép của HS</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>Diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp là các kiểu đoạn văn được phân biệt dựa vào cách thức tổ chức, triển khai nội dung. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này liên quan đến câu chủ đề, tức là câu thể hiện nội dung bao quát của đoạn văn.</p> <p>- Đoạn văn diễn dịch: Đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.</p> <p>- Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.</p> <p>- Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.</p> <p>- Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Lời sông núi phân tri thức ngữ văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.

+ Soạn bài: **HỊCH TUỞNG SĨ**

TIẾT...: VĂN BẢN 1. HỊCH TUỞNG SĨ

(Trần Quốc Tuấn)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- ❖ Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hịch tướng sĩ*
- Năng lực nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Tự hào, biết ơn những người anh hùng dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Hịch tướng sĩ*

b. Nội dung: HS thể hiện hiểu biết về lịch sử dân tộc

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Hãy kể tên một số vị tướng nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Theo em, điều gì khiến quân Mông – Nguyên ba lần đem quân xâm lược nước ta đều phải chịu thất bại?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về tác giả, tác phẩm
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Hịch tướng sĩ*
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Hịch tướng sĩ*
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Quốc Tuấn (1231-1300) còn được gọi là Hưng Đạo Đại Vương - Cuộc đời: <ul style="list-style-type: none"> + Là danh tướng kiệt xuất của dân tộc + Năm 1285 và năm 1288. Ông chỉ huy quân đội đánh tan hai cuộc xâm lược của quân Nguyên-Mông + Ông lập nhiều chiến công lớn: 3

<p>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>lần đánh tan quân Nguyên Mông</p> <p>+ Tác phẩm nổi bật: Binh thư yếu lược, Đại Việt sử kí toàn thư</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a, Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Bài hịch được viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ 2 năm 1285.</p> <p>- Bài hịch được viết nhằm khích lệ tướng sĩ học tập cuốn “Binh thư yếu lược”</p> <p>b, Thể loại: Hịch – là thể văn được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh dùng để kêu gọi hoặc thuyết phục đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</p>
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- ❖ Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Hịch tướng sĩ

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Hịch tướng sĩ*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1: Khăn trải bàn</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. 	<p>II/ Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1.Mục đích của bài Hịch</p> <p>Trần Quốc Tuấn viết <i>Hịch tướng sĩ</i> nhằm mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Khích lệ lòng yêu nước của các tướng sĩ. ❖ Động viên tướng sĩ tích cực học tập Binh thư yếu lược do ông soạn thảo <p>Chúng ta có thể nhận thấy qua câu nói sau: <i>Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết then. Làm tướng triều đình mà phải hâu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường để đãi yến nguy sứ mà không biết căm.</i></p> <p>Trước hết, câu nói này là phần mở đầu khi chỉ ra những hành động sai trái của các tướng sĩ lúc bấy giờ. Trước đó, Trần Quốc Tuấn đã nêu gương những tướng lĩnh quên mình vì vua, vì nước; cũng đã bày tỏ nỗi lòng mình và đặc biệt là cách hậu đãi với binh lính, quân tướng dưới trướng của mình.</p>

<p><u>Nhiệm vụ 2:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Xác định bố cục của bài hịch và nêu rõ vai trò của từng phần trong việc thực hiện mục đích của bài hịch.</i> + <i>Hãy chỉ ra những điểm chung của các cặp nhân vật lịch sử được nêu ở phần đầu bài hịch. Tác giả đã nêu hành động của tám cặp nhân vật lịch sử này để minh chứng điều gì?</i> + <i>Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ nào để chứng minh các vị tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng?</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>=> Câu nói ấy nêu lên được thực trạng mà những binh sĩ đang trải qua, kể cả quan trọng triều. Tác giả sử dụng những lời lẽ rất gay gắt, mạnh mẽ để đánh trực tiếp vào lòng tự trọng của con người để họ thức tỉnh mà nhìn vào sự thực đang diễn ra trong thực tế.</p> <p>=> Câu nói cũng là lời nhắc nhở danh thép của vị chủ tướng với tướng sĩ của mình để họ nhận thức và khích lệ, động viên tinh thần của họ.</p> <p>2. Bố cục của bài Hịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn 1 (từ đầu đến “đến nay còn lưu tiếng tốt”): tác giả nêu ra các gương trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước đã được lưu truyền trong sử sách để khích lệ lòng người. - Đoạn 2 (từ “Huống chi ta” đến “ta cũng vui lòng”): từ việc phơi bày bộ mặt xấu xa của sứ giặc, tác giả bày tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc. - Đoạn 3 (từ “Các người ở cùng ta” đến “không muốn vui vẻ phỏng có được không?”): từ khắc sâu mối gắn bó ân tình giữa chủ và tướng, tác giả phân tích rõ thiệt hơn, được mất, đúng sai để chấn chỉnh những sai lạc trong
---	--

<p>- HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>hàng ngũ tướng sĩ.</p> <p>- Đoạn 4 (từ “Nay ta chọn binh pháp” đến hết): nêu ra việc trước mắt phải làm và kết thúc bằng những lời khích lệ nghĩa khí tướng sĩ.</p> <p>3. Nêu gương trung thần, nghĩa sĩ trong sử sách.</p> <p>- Các gương trung thần, nghĩa sĩ hi sinh vì chủ: <i>Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Cốt Đãi Ngột Lang, ...</i></p> <p>- Địa vị khác nhau song đều trung thành, không sợ nguy hiểm, quên mình vì chủ vì nước.</p> <p>→ Khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì chủ, vì vua, vì nước</p> <p>4. Tình hình đất nước và nỗi lòng của chủ tướng.</p> <p>a. Tình hình đất nước hiện tại:</p> <p>- Tội ác và sự ngang ngược của giặc: <i>đi lại nghênh ngang, uốn lưỡi cú diều sỉ mắng triều đình, thân dê chó bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa, thu bạc vàng, ...</i></p> <p>→ Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ vạch trần bản chất tham lam, tàn bạo, hống hách của giặc</p> <p>- Cảnh báo hậu quả , thái độ của tác giả : <i>khắc nào đem thịt mà nuôi hổ đói, tránh sao tai vạ về sau</i></p> <p>→ Khích lệ lòng căm thù giặc và khơi</p>
---	--

	<p>gợi nỗi nhục mất nước</p> <p><i>b. Nỗi lòng chủ tướng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tối bữa quên ăn</i> - <i>Nửa đêm vỗ gối</i> - <i>Ruột đau như cắt</i> - <i>Nước mắt đầm đìa</i> - Nghệ thuật: + Câu văn biến ngẫu, nhịp điệu dồn dập + Ngôn ngữ ước lệ, giàu hình ảnh + Nhiều động từ mạnh chỉ trạng thái, hành động: quên ăn, vỗ gối, xẻ thịt, lột da, nuốt gan, uống máu, ... → Cụ thể nỗi đau đớn, niềm uất hận, khơi gợi sự đồng cảm. Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng: - Bằng chứng: + Nếu có giấc Mông Cổ tràn sang, thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp ... tiếng hát không thể làm cho giấc điếc tai. + Lấy việc chơi gà làm niềm vui... hoặc mê tiếng hát. + Chẳng những thái ấp của ta không còn ... lúc bấy giờ đâu các người muốn vui vẻ phỏng có được không? - Lí lẽ: + Nhắc lại ân tình của Trần Quốc
--	--

	<p>Tuần và binh sĩ.</p> <p>+ Phê phán hành động hưởng lạc, thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước.</p> <p>+ Khẳng định thái độ đúng đắn là phải cảnh giác, tích cực rèn luyện để sẵn sàng đánh giặc.</p> <p>5. Phê phán biểu hiện sai trái và kêu gọi tướng sĩ.</p> <p><i>a. Phê phán biểu hiện sai trái của tướng sĩ:</i></p> <p>- Phê phán hành động hưởng lạc, ham thú vui tầm thường: <i>chơi gà, cò bạc, săn bắn,...</i></p> <p>- Thái độ phê phán dứt khoát</p> <p>→ Phê phán nghiêm khắc thái độ vô trách nhiệm, vong ân bội nghĩa, lối sống hưởng lạc, chỉ lo vun vén hạnh phúc cá nhân.</p> <p><i>b. Kêu gọi tướng sĩ.</i></p> <p>- Phải biết lo xa, nêu cao cảnh giác, tăng cường luyện tập, học tập “Binh thư yếu lược.”</p> <p>- Giúp tướng sĩ nhận thức rõ đúng – sai</p> <p>- Vạch rõ ranh giới 2 con đường chính – tà, sống – chết.</p> <p>→ Thái độ dứt khoát, cương quyết, khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến,</p>
--	--

	<p>quyết thắng kẻ thù.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áng văn chính luận xuất sắc - Lập luận chặt chẽ, sắc bén. - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu. - Sử dụng biện pháp cường điệu, ẩn dụ. <p>2. Nội dung</p> <p>Bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết thắng.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Hịch tướng sĩ*
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc
- Sản phẩm học tập:** bài viết của học sinh
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Hịch tướng sĩ để hoàn thành bài tập

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Trần Quốc Tuấn đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, láo xược và tàn ác của quân giặc xâm lược ?

A. Vật hoá C. So sánh

B. Nhân hoá D. ẩn dụ

Chọn đáp án: D

Câu 2: Nghĩa của từ “*ngheênh ngang*” là gì ?

A. ở trạng thái lắc lư, nghiêng ngả như trực ngã.

B. Tỏ ra không kiêng sợ gì ai, ngang nhiên làm những việc biết rằng mọi người có thể phản đối.

C. Không chịu theo ai cả mà cứ theo mình, dù có biết là sai trái đi nữa.

D. Tỏ ra tự đắc, coi thường mọi người bằng những thái độ, lời nói gây cảm giác khó chịu.

Chọn đáp án: B

Câu 3: Từ nào có thể thay thế từ “*ngheênh ngang*” trong câu “ Ngó thấy sứ giặc đi lại ngheênh ngang ngoài đường ...” ?

A. Hiên ngang

B. Ngật ngưỡng

C. Thất thủ

D. Ngông nghênh

Chọn đáp án: D

Câu 4: Trong Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã vận dụng sáng tạo kết cấu chung của thể hịch như thế nào ?

- A. Không nêu phân đặt vấn đề riêng.
- B. Không nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách.
- C. Không nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Chọn đáp án: A

Câu 5: Đoạn văn nào thể hiện đồ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

- A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.
- B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điem nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, gươm tay không mà chịu thua giặc...
- C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên...
- D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khur khur theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

Chọn đáp án: A

Câu 6: Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền ?

- A. Nhẹ nhàng thân tình.
- B. Nghiêm khắc, nặng nề.
- C. Mạt sát thậm tệ.
- D. Bông đùa, hóm hỉnh.

Chọn đáp án: B

Câu 7: Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì ?

- A. Hành động đề cao bài học cảnh giác.
- B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.
- C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: “Binh thư yếu lược”.
- D. Gồm cả A, B và C.

Chọn đáp án: D**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chính chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chính chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo

Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm	1 điểm	2 điểm
	Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:.....

Tổ:.....

.....

TIẾT: ...THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH VÀ ĐOẠN VĂN QUY NẠP

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Khi viết một đoạn văn với chủ đề bất kỳ, em thường đặt câu chủ đề ở đâu?”
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ và giơ tay phát biểu
- GV gọi HS chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và quy nạp

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và quy nạp

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). 	<p><i>Đoạn văn diễn dịch</i> là đoạn văn mà câu đứng đầu khái quát toàn bộ nội dung, các câu tiếp theo triển khai cụ thể chi tiết từng ý theo câu chủ đề, làm rõ, bổ sung cho câu chủ đề. Các câu tiếp theo được triển khai bằng cách chứng minh, phân tích, giải thích, có thể đưa vào một số nhận xét, bộ lộ cảm xúc của cá nhân.</p> <p>Ví dụ 1</p> <p>Lão Hạc là một nhân vật được Nam Cao xây dựng thành công và để lại ấn tượng sâu sắc, khó quên trong</p>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

lòng người đọc. Ông có vợ và một người con trai duy nhất. Vợ mất sớm, vì không đủ tiền cưới vợ, con trai ông đã uất ức vô cùng mà bỏ đi đồn điền cao su. Trước khi đi, lão được người con trai tặng con chó vàng làm kỷ niệm nên ông rất yêu quý nó và đặt cho nó một cái tên rất hay. Năm ấy, vì mất mùa đói kém, bão lũ đã cướp đi hết mùa màng của lão, lão cũng lâm bệnh hiểm nghèo. Cuộc sống khốn khó đã ép lão đến bờ vực thẳm của cuộc đời, không còn cách nào khác, lão đành phải cắt ruột bán đi con chó vàng yêu quý của mình; bán xong, lão khóc như một đứa trẻ. Sợ sống sẽ ảnh hưởng đến đứa con trai duy nhất của ông, vì lỡ tâm lừa dối một con chó, ông quyết định chết theo chó trong đau đớn, tủi nhục. Cái chết của lão cũng chính là để giữ gìn lòng tự trọng của lão đối với con. Lão Hạc có một tấm lòng thật cao cả, đáng trân trọng.

Ví dụ 2

Vẻ đẹp của con người không chỉ thể hiện qua nhan sắc bề ngoài mà nó còn nằm trong tài năng và tâm hồn. Nhan sắc là nét đẹp được trời phú, là hình hài mà cha mẹ ban cho mỗi

người, nhưng tài năng và tư cách là sự vun trồng, rèn luyện ở mỗi cá nhân. Hương thơm của một bông hoa liệu có thu hút ánh nhìn của mọi người trong một thời gian dài? Con người cũng vậy, vẻ đẹp ngoại hình sẽ tạo ấn tượng với người khác, nhưng tài năng và chiều sâu trong tâm hồn mới khiến người khác nhớ mãi về bạn. Vì vậy, mỗi người cần biết chăm sóc bản thân, để "dù mình không cao nhưng vẫn khiến nhiều người phải ngược nhìn". Tài năng hay vẻ đẹp tâm hồn ấy đều có sẵn trong mỗi chúng ta, nhưng nếu không học hỏi, trau dồi kiến thức thì chúng cũng sẽ ngủ quên và dần mai một. Mỗi ngày, mỗi giờ trôi qua, bạn cần phải liên tục học hỏi nhiều hơn, lắng nghe từ những thế hệ đi trước, trau dồi tri thức trong cuộc sống nhiều hơn để nuôi dưỡng tâm hồn. Đó là cách bạn yêu quý và trân trọng chính mình.

Đoạn văn quy nạp (Có câu chủ đề)

Đoạn quy nạp là đoạn văn được trình bày cụ thể chi tiết từ nhỏ đến lớn, từ các ý rất chi tiết đến ý khái quát hơn, từ ý luận cứ cụ thể đến luận điểm bao trùm. Do đó mà nằm ở cuối đoạn văn thường là các câu chủ đề khái quát. Ở

	<p>vị trí này, câu chủ đề không nhằm mục đích định hướng nội dung triển khai cho toàn đoạn ở các ý tiếp theo mà là đóng vai trò khép lại toàn bộ nội dung của đoạn ấy. Các câu trên được trình bày bằng các phương pháp như giải thích, lập luận, cảm nhận và rút ra quan điểm cá nhân.</p> <p>Ví dụ</p> <p>Con cái từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành phần lớn đều chịu ảnh hưởng và được chăm sóc từ mẹ hơn là cha. Các em được bú mẹ, được ẵm, được dỗ dành, được tắm rửa, được mẹ ru ngủ, được mẹ cho ăn, được chăm sóc khi ốm đau,...Bằng sự nhận thức về thế giới thông qua quá trình tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày. Và do tiếp xúc nhiều nên ảnh hưởng đặc biệt từ đức tính của người mẹ, đã dần dần hình thành bản tính của đứa trẻ theo kiểu "mưa dầm thấm lâu". Ngoài ra, đứa trẻ thường thích bắt chước người khác thông qua mẹ bởi đó là người mẹ nó gần gũi nhất. Phụ nữ là người quan trọng trong gia đình, là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu của gia đình.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về đoạn văn diễn dịch và quy nạp
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 64
- c. Sản phẩm học tập:** Phân trả lời của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 64

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về đoạn văn diễn dịch và quy nạp để tạo lập đoạn văn ngắn theo chủ đề yêu cầu
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng nêu cảm nghĩ của em về một vị anh hùng hào kiệt trong lịch sử
- c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng nêu cảm nghĩ của em về một vị anh hùng hào kiệt trong lịch sử theo lối quy nạp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS viết bài

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và quy nạp

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều

			tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Đáp án bài tập

Câu 1 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Tìm câu chủ đề trong các đoạn văn sau, từ đó, xác định kiểu đoạn văn (diễn dịch, quy nạp). Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.

a. Ta thường nghe: Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dục Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khur khur theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!

(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)

b. Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường. Cậu này là học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn, bạn ấy thuộc Trường THCS Lương Thế Vinh, còn cô bé kia học ở Trường THCS Đặng Thai Mai,... tất cả đều được nhận ra nhờ bộ đồng phục mà họ mặc. Trong cuộc thi “nhóm bạn lí tưởng” ở huyện, “màu cờ sắc áo” không chỉ thể hiện ở tài trí của năm bạn trong đội hình thi đấu trên sân khấu, mà còn ở các nhóm cổ động viên tung bưng, nổi bật trong bộ đồng phục của trường mình trên khán đài.

Dẫn theo Ngữ văn 6, tập hai

(Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr. 67)

Trả lời:

a. Câu chủ đề: Giả sử các bậc đó cứ khur khur theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!

=> Đoạn văn quy nạp.

- Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Các câu đầu nêu những tấm gương về các bậc trung nghĩa. Từ đó câu chủ đề ở cuối đoạn văn mới có cơ sở để nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.

b. Câu chủ đề: Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.

=> Đoạn văn diễn dịch.

- Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, khẳng định đồng phục không chỉ đẹp mà còn tạo nên bản sắc của mỗi trường. Các câu sau nói rõ nét đặc sắc của mỗi trường thông qua bộ đồng phục.

Câu 2 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Hãy sắp xếp các câu sau thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.

(1) Một cô Tấm (trong truyện “Tấm Cám”) bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mẹ dì ghẻ và Cám – những kẻ lắm mưu mô tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng.

(2) Một Thạch Sanh (truyện “Thạch Sanh”) chất phác, thật bụng tin người, trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.

(3) Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích.

(4) Một người em (truyện “Cây khế”) thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển khơi.

Trả lời:

- Đoạn văn diễn dịch: (3) – (1) – (2) – (4)

- Đoạn văn quy nạp: (1) – (2) – (4) – (3)

- Cơ sở để sắp xếp: Câu (3) là câu nêu luận điểm, các câu (1), (2), (4) là câu dẫn chứng phục vụ cho việc chứng minh luận điểm ấy.

Câu 3 (trang 65 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất” (I-li-a Ê-ren-bua). Hãy xem đây là câu chủ đề, từ đó, viết hai đoạn văn, một đoạn văn đặt câu chủ đề ở đầu đoạn (diễn dịch) và đoạn văn đặt câu chủ đề ở cuối đoạn (quy nạp).

Trả lời:

- Đoạn văn diễn dịch:

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Lòng yêu nước chính là tình yêu quê hương đất tổ nơi mình sinh ra và lớn lên. Lòng yêu nước có thể là yêu lũy tre xanh bao quanh làng, yêu dòng sông chảy trước nhà, yêu chân ruộng thơm mùi gốc rạ, yêu con cò đứng khoan thai trên đồng bên dáng mẹ còng lưng làm cỏ lúa... Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn.

- Đoạn văn quy nạp:

Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước; nỗ lực cố gắng không ngừng để dựng xây và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh hơn. Lòng yêu nước là tình cảm cao cả, thiêng liêng của mỗi người dành cho quê hương đất nước. Đó là yêu sông, yêu núi, yêu làng, yêu xóm, yêu người dân sống trên mảnh đất hình chữ S. Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn. Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.

TIẾT...: VĂN BẢN 2: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

(Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- ❖ Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tinh thần yêu nước của nhân dân ta được thể hiện qua văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Biết ơn, tự hào về các thế hệ trước, yêu nước

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về Hồ Chí Minh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

b. Nội dung: GV chiếu video về Lịch sử dân tộc Việt Nam

<https://youtu.be/xxxVXiZ0ZwI>

Đặt câu hỏi gợi mở vào bài học: *Sau khi xem xong video, em hãy cho biết trong cuộc sống hôm nay, con người có thể thể hiện tình thần yêu nước bằng những cách nào?*

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Tinh thần yêu nước* của nhân dân ta

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Tinh thần yêu nước* của nhân dân ta

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam. - Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. - Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan. - Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi “Hồ Chí Minh” được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm 1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của

	<p>Trung Hoa Dân Quốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn nhà thơ lớn. - Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới. <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Xuất xứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay). - Tên bài do người soạn sách đặt. <p>b. Bố cục</p> <p>Gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phần 1. Từ đầu đến “ tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước ”: Nhận định chung về lòng yêu nước • Phần 2. Tiếp theo đến “ một dân tộc anh hùng ”. Chứng minh tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. • Phần 3. Còn lại. Phát huy tinh thần yêu nước trong mọi công
--	---

	việc kháng chiến.
--	-------------------

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
- ❖ Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: <i>Đối tượng của văn bản viết là ai?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Đối tượng văn bản cần thuyết phục</p> <p>Toàn thể nhân dân Việt Nam.</p> <p>2. Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm</p> <p>- Bài viết có 4 luận điểm</p> <p>+ Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu</p>

<p>- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.</p> <p><u>Nhiệm vụ 2:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn , trả lời câu hỏi:</p> <p>+ <i>Tìm các luận điểm trong văn bản và chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm</i></p> <p><i>Câu hỏi tổng kết: Nêu nội dung bao quát của văn bản</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p>	<p>của ta.</p> <p>+ Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.</p> <p>+ Đồng bào ta ngày nay rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước: lòng nồng nàn yêu nước</p> <p>+ Bồn phận của chúng ta...</p> <p>- Mối liên hệ giữa các luận điểm: Từng luận điểm đều có vị trí riêng nhưng lại liên kết chặt chẽ với nhau, hô ứng với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề “Tinh thần yêu nước là truyền thống quý báu của ta”. Trong đó luận điểm 1 là luận điểm chính, tiêu tóm nội dung toàn bài: khẳng định lòng yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.</p> <p>3. Nhận định chung về lòng yêu nước của nhân dân ta</p> <p>- Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, nồng nàn, chân thành và luôn sục sôi</p> <p>- Tinh thần yêu nước ấy kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nổ lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.</p> <p>⇒ Gợi sức mạnh và khí thế mạnh mẽ</p>
--	--

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>của lòng yêu nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong lịch sử, có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta: Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... - Lòng yêu nước ngày nay của nhân dân ta: <ul style="list-style-type: none"> + Từ cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng, trẻ thơ...ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc + Những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc + Những công chức ở hậu phương nhin ăn để ủng hộ bộ đội + Những phụ nữ khuyên chồng tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải + Những bà mẹ yêu thương bộ đội như con đẻ của mình + Nam nữ nông dân và công nhân hăng hái tăng gia sản xuất + Những đồng bào điền chủ quyên ruộng cho Chính phủ... <p>⇒ Tất cả những việc làm đó đều xuất phát từ lòng yêu nước</p> <p>4. Nhiệm vụ của mọi người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần
---	---

	<p>yêu nước của mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến</p> <p>⇒ Cần phải thể hiện lòng yêu nước bằng những việc làm cụ thể</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục. - Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu. - Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc. - Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc. <p>2. Nội dung</p> <p>Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Và nó cần phải được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc
- c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trả lời cho câu hỏi: Phải chăng lòng yêu nước của mỗi người chỉ thể hiện khi Tổ quốc bị xâm lăng?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi, hoàn thành bài viết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Bài văn đề cập đến lòng yêu nước của nhân dân ta trong lĩnh vực nào ?

- A. Trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược
- B. Trong sự nghiệp xây dựng đất nước.
- C. Trong việc giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt
- D. Cả A và B

Đáp án: **D**

Câu 2: Trọng tâm của việc chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong bài văn là ở thời kì nào ?

- A. Trong quá khứ
- B. Trong cuộc kháng chiến hiện tại
- C. Trong cuộc chiến đấu của nhân dân miền Bắc
- D. Trong cuộc chiến đấu dũng cảm của bộ đội ta trên khắp các chiến trường.

Đáp án: **B**

Câu 3: Những sắc thái nào của tinh thần yêu nước được tác giả đề cập đến trong bài văn của mình ?

- A. Tiềm tàng, kín đáo

- B. Biểu lộ rõ ràng, đầy đủ
- C. Khi thì tiềm tàng, kín đáo; lúc lại biểu lộ rõ ràng, đầy đủ.
- D. Luôn luôn mạnh mẽ, sôi sục.

Đáp án: C

Câu 4: Đối tượng nào không xuất hiện trong bài văn Tinh thần yêu nước của nhân dân ta?

- A. Công chức.
- B. Chiến sĩ, công nhân.
- C. Nông dân, điền chủ.
- D. Tư sản.

Đáp án: Câu D

Câu 9: Nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản là:

- A. Xây dựng luận điểm ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu...
- B. Sử dụng từ ngữ gợi hình ảnh, phép liệt kê, so sánh chọn lọc và đặc sắc.
Bài văn là một mẫu mực về lập luận, bố cục và cách dẫn chứng của thể văn nghị luận.
- D. Tất cả đều đúng.

Đáp án: Câu D

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	TỐT	XUẤT SẮC
----------	-------------	-----	----------

	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT: ...THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐOẠN VĂN SONG SONG VÀ ĐOẠN VĂN PHỐI HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực trình bày đoạn văn theo lối song song và phối hợp
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Đặt câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Theo em song song và phối hợp có nghĩa là gì? Chỉ ra sự khác nhau trong hai cụm từ này?”
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp**

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 68 - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động	Đoạn văn song song (Không có câu chủ đề) Đoạn văn song song là đoạn văn triển khai nội dung song song giữa các câu, không nội dung nào khái quát, bao trùm lên nội dung nào. Mỗi câu trong đoạn văn đều nêu lên một khía cạnh riêng biệt, không câu nào khái quát câu nào, là một mắt xích quan trọng

<p>và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>để làm rõ lên nội dung đoạn văn.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trong nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hoá xã hội</p> <p>(Trích Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em)</p> <p>Đoạn văn có ba câu mỗi câu nêu một điều cần làm để đáp ứng quyền lợi của trẻ em Mặc dù không có câu chủ đề nhưng tất cả các câu trong đoạn cung thể hiện một chủ đề trách nhiệm đối với trẻ em.</p> <p>Đoạn văn tổng hợp có sự kết hợp giữa đoạn văn diễn dịch và quy nạp. Câu mở đầu nêu khái quát về nội dung, câu kết đoạn có tính tổng hợp, liên hệ mở rộng. Các câu trong đoạn văn tập trung triển khai nội dung của đoạn văn.</p>
--	--

	<p>Ví dụ:</p> <p>Bị cười không phải mọi người đều phản ứng giống nhau. Có người tỏ thái độ mặc kệ bất cần, ai cười người ấy nghe. Có người, nhân bị thiên hạ cười mà nghiêm túc soi xét bản thân, lặng lẽ sửa mình. Nhưng cũng có những người bị tiếng cười của đám đông nhằm tới, do thiếu bản lĩnh, nên hoảng hốt lo âu và tưởng rằng khiếm khuyết của mình là rất nghiêm trọng. Rơi vào bế tắc, họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực. Như vậy, sự cười nhạo chẳng phải đã vô tình làm hại người ta đó sao?</p> <p>(Minh Đăng, Tiếng cười không muốn nghe)</p> <p>Đoạn văn phối hợp có cấu trúc rất chặt theo kiểu tổng hợp – phân tích – tổng hợp. Câu đầu và câu cuối đoạn đều là câu chủ đề. Kiểu đoạn văn này rất phù hợp với việc khẳng định chắc chắn điều mà người viết cho là chân lí.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 68 - 69
- Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 68 - 69

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để so sánh sự khác nhau giữa 4 kiểu tổ chức đoạn văn: diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tạo bảng so sánh sự khác nhau giữa 4 kiểu tổ chức đoạn văn đã học

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Từ kiến thức thực hành Tiếng Việt đã học, em hãy tạo bảng so sánh sự khác nhau giữa 4 kiểu tổ chức đoạn văn: diễn dịch – quy nạp – song hành – phối hợp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được đặc điểm và chức năng của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Câu 1 (trang 68 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Xác định kiểu đoạn văn của những trường hợp sau. Phân tích tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn.

a. Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là “Binh thư yếu lược”. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)

b. Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhin ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ,... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

(Hồ Chí Minh, Tinh thần yêu nước của nhân ta)

Trả lời:

a. Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song

- Đoạn văn có hai câu, mỗi câu đảm nhiệm một nội dung khác nhau, nhưng đều nêu nhiệm vụ cụ thể, cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu của tướng sĩ.

b. Kiểu đoạn văn: đoạn văn phối hợp

- Đoạn văn có câu mở đầu nêu chủ đề của đoạn: Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Các câu tiếp theo nêu dẫn chứng cụ thể. Câu

cuối đoạn khái quát lại điểm giống nhau đó: đều giống nhau nơi nồng nàn yêu nước.

Câu 2 (trang 68 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Đoạn văn sau được tổ chức theo kiểu nào? Chủ đề của đoạn văn là gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?

Không gian yên tĩnh bỗng bùng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhún, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.

(Hà Ánh Minh, Ca Huế trên sông Hương)

Trả lời:

- Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song
- Chủ đề: Cảnh ca Huế trong đêm trăng trên sông Hương.
- Dựa vào nội dung của các câu văn để nhận biết điều đó. Ba câu văn miêu tả ba khía cạnh khác nhau của đêm ca Huế. Mặc dù không có câu chủ đề nhưng các câu trong đoạn đều thể hiện chung chủ đề.

Câu 3 (trang 69 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Hãy viết một đoạn văn song song và một đoạn văn phối hợp (mỗi đoạn khoảng 7 – 9 câu) theo chủ đề tự chọn.

- Đoạn văn song song:

Đi bất cứ nơi đâu trên đất nước này, bạn cũng gặp hình ảnh của Người trong cuộc sống cũng như trong tâm hồn của mỗi người dân. Bác đã hiến trọn cuộc đời cho dân tộc. Mấy chục năm gian nan thử thách ở nước ngoài, Bác đã tìm cho dân tộc con đường đi cách mạng để rồi từ đó, nhân dân ta đòi lại được tự do. Hình ảnh Bác đẹp trong lòng của mỗi người dân Việt không phải chỉ vì Bác đã đem đến cho chúng ta cơm áo tự do mà ngay từ trong cách sống, Bác đã là tấm gương cho tất cả mọi người. Bác sống giản dị và giàu tình cảm. Tôi chưa thấy ở nơi đâu, một vị Chủ tịch nước lại giản dị như thế. Người ăn mặc bình dân, Người sống hòa mình. Người bận trăm công ngàn việc mà vẫn dành thì giờ chăm lo từ những cụ già đến các bé nhi đồng nhỏ tuổi. Người sống trọn mình cho dân tộc chẳng vương bận chút riêng tư.

- Đoạn văn phối hợp:

Truyền thống uống nước nhớ nguồn là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Mỗi người trong chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy mạnh mẽ tinh thần đó. Đây là truyền thống thể hiện sự kính trọng của thế hệ đi sau với thế hệ đi trước để tỏ lòng biết ơn của mình với những người có ơn với mình. Hằng năm, cứ mỗi dịp kỉ niệm ngày thương binh liệt sĩ, đảng và nhà nước lại tổ chức các hoạt động thăm viếng mộ liệt sĩ, thăm hỏi gia đình liệt sĩ, tặng quà, tạo điều kiện cho gia đình phát triển. Hiện nay, mọi người trong xã hội đã chú ý hơn đến việc này, không chỉ các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động này mà những đơn vị, tổ chức cá nhân cũng tham gia rất tích cực. Mọi người chung tay nhau, quyên góp, sau đó tổ chức các hoạt động thăm hỏi từng gia đình một, trao quà tặng thưởng. Tuy những món quà đó chưa hẳn đã có nhiều giá trị về vật chất nhưng lại đầy ắp tinh thần của người trao. Đây là các việc làm rất ý nghĩa, cần được mọi người phát huy, giữ gìn để truyền thống uống nước nhớ nguồn mãi là truyền thống quý báu của dân tộc ta, mãi được những dân tộc khác tôn trọng và học hỏi.

TIẾT...: VĂN BẢN 3. NAM QUỐC SƠN HÀ

(Sông núi nước Nam)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS chỉ ra và phân tích được tinh thần của một bản “tuyên ngôn độc lập”
- HS chỉ ra và phân tích được các lí lẽ trong văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của bài thơ
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Nam quốc sơn hà*

b. Nội dung: GV cho HS nghe bài hát về tinh thần yêu nước:

<https://youtu.be/1lNzfonGXK4>

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi sau khi HS nghe xong bài hát “Bài hát thể hiện tinh thần nào của nhân dân ta?”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin về tác phẩm *Nam quốc sơn hà*
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về tác phẩm *Nam quốc sơn hà*
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác phẩm *Nam quốc sơn hà*
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ dù chưa rõ tác giả thực sự là ai nhưng qua lời kể lại thì có thể là lời thơ của Lí Thường Kiệt (1019- 1105) - Ông là một danh tướng lẫm lừng có công đánh thắng quân Tống xâm lăng. <p>2. Tác phẩm</p> <p>a, Hoàn cảnh sáng tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có truyền thuyết rằng năm 1077, quân Tống xâm lược nước ta. Vua Lí Nhân Tông sai Lí Thường Kiệt đem quân chặn giặc ở sông Như Nguyệt, bỗng một đêm, quân sĩ chợt nghe từ trong đền thờ hai anh em Trương Hồng và Trương Hát - hai vị tướng giỏi được tôn là thần sông Như Nguyệt có giọng ngâm bài thơ này. - Bài thơ được coi là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của nước ta. <p>b, Bố cục- 2 phần:</p>

	<p>- Phần 1 (2 câu đầu): Khẳng định chủ quyền lãnh thổ</p> <p>- Phần 2 (2 câu cuối): Nêu cao quyết tâm chống lại kẻ thù</p> <p>c, Phương thức biểu đạt</p> <p>Biểu cảm</p> <p>d, Thể thơ</p> <p>Thất ngôn tứ tuyệt với 4 câu mỗi câu 7 chữ. Các câu 1, 2 và 4 hoặc chỉ có câu 2 và 4 là hiệp vần với nhau ở chữ cuối.</p> <p>e, Ý nghĩa nhan đề</p> <p>Nhan đề “Nam quốc sơn hà” ngắn gọn, súc tích thể hiện lời khẳng định chủ quyền dân tộc không gì có thể lay chuyển của nước Nam trước âm mưu xâm lược của ngoại bang.</p>
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS chỉ ra và phân tích được tinh thần của một bản “tuyên ngôn độc lập”
- HS chỉ ra và phân tích được các lí lẽ trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1:	II. Tìm hiểu chi tiết

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. 	<p>1/ Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên</p> <p>“Tuyên ngôn độc lập” là văn bản tuyên bố sự độc lập của một quốc gia, thường là ra đời để khẳng định chủ quyền của quốc gia vừa giành lại từ tay ngoại bang.</p> <p>2. Hai câu thơ đầu: Lời khẳng định chủ quyền của đất nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam đế: hoàng đế nước Nam – ngang hàng với hoàng đế các nước phương Bắc, qua đó thể hiện lòng tự hào dân tộc - Thiên thư: sách trời - Giới phận lãnh thổ của người Nam được quy định ở sách trời, điều này trở thành chân lý không thể chối cãi và không bất cứ ai có thể thay đổi được điều đó (với người Việt và người Trung tôn thờ thế giới tâm linh, thì trời chính là chân lý) <p>⇒ Khẳng định niềm tin, ý chí về chủ quyền dân tộc, tinh thần tự lập, tự chủ, tự cường của dân tộc</p>
<p><u>Nhiệm vụ 2:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi: <i>Em rút ra bài học gì sau khi học xong bài thơ?</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p>	<p>3. Hai câu còn lại: Quyết tâm bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết cấu câu hỏi nhằm mục đích khẳng định nền độc lập dân tộc, khẳng định niềm tin chiến thắng của dân tộc ta - Tác giả chỉ rõ, những kẻ xâm lược là

<p>- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>trái đạo trời, đạo làm người- “nghịch lỗ”</p> <p>- Cảnh cáo bọn giặc dã tất sẽ thất bại không chỉ vì trái đạo trời mà còn vì dân tộc ta sẽ quyết tâm đánh đuổi, bảo vệ chủ quyền đất nước đến cùng.</p> <p>III/ TỔNG KẾT</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt súc tích, cô đọng cảm xúc</p> <p>- Lời thơ đanh thép, hào hùng, đồng dục</p> <p>- Cảm xúc dồn nén trong từng câu chữ</p> <p>2. Nội dung</p> <p>Bài thơ là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc khẳng định chủ quyền đất nước. Sự khẳng định tuyệt đối cùng quyết tâm bảo vệ toàn vẹn chủ quyền trước những kẻ xâm lăng, cảnh báo bất cứ kẻ nào dám xâm phạm vào chủ quyền đều phải chuốc lấy thất bại.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Nam quốc sơn hà*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu nêu cảm nhận của em về tinh thần dân tộc được thể hiện trong bài thơ

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày bài làm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Nam quốc sơn hà* liên hệ trách nhiệm của bản thân đối với đất nước

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học tổ chức hoạt động “HỌC SINH NÓI” với nội dung: Từ văn bản *Nam quốc sơn hà*, em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay

c. Sản phẩm học tập: Chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy nêu những việc làm thể hiện tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ngày nay

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các nội dung chính của văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP
VĂN BẢN: NAM QUỐC SƠN HÀ

Họ tên:..... Lớp:.....

1/ Em hiểu thế nào là bản "tuyên ngôn độc lập"?

.....

.....

.....

2/ Từ "cư" trong nguyên tác có thể dịch là "ngư" (cá quỳ), cũng có thể dịch là "cư" (cư dân). Theo em, cách dịch nào thể hiện được xê tình thần của một bản "tuyên ngôn độc lập" hơn? Vì sao?

.....

.....

.....

3. Để không dính chủ quyền của đất nước ta, tác giả đã sử dụng những từ nào?

.....

.....

.....

4. Câu thơ nào trong bài thơ để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

.....

.....

.....



* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng

	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện		rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT ...: VIẾT. VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Theo em, chúng ta cần làm gì để thể hiện được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước, xã hội?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu kiểu bài

a. Mục tiêu: HS nắm được kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước) là bài văn thể hiện quan điểm của người viết trước những vấn đề cụ thể của đời sống xã hội, mối quan hệ cộng đồng, đất nước.</p>

Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài

a. Mục tiêu: HS nắm được yêu cầu của kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận</p>	<p>* Yêu cầu:</p> <p>- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.</p>

<p>+ Một bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước) cần đáp ứng được những yêu cầu nào?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.</p> <p>- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.</p> <p>- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.</p>
---	---

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng và đất nước)

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận</p> <p>+ Bài viết đã giới thiệu vấn đề nghị luận nào?</p> <p>+ Người viết đã dùng lí lẽ và bằng chứng như thế nào để làm rõ luận điểm chính</p>	<p>Văn bản “Hiểu biết về lịch sử”</p> <p>1. Giới thiệu vấn đề cần bàn luận</p> <p>Hiểu biết về lịch sử</p> <p>2. Dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử</p> <p>- Lí lẽ:</p> <p>+ Tìm hiểu lịch sử nước nhà để quá khứ cất liên tiếng nói, đưa ta về với</p>

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thứ. 	<p>cội nguồn xa xôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhờ có kiến thức lịch sử, ta mới biết dân tộc mình từng có thời điểm trải qua những giai đoạn tăm tối, đau thương. - Bằng chứng: Với những bài học lịch sử ... thu non sông về một mối. <p>3. Tiếp tục dùng lí lẽ để mở rộng ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người thời đại nào, quốc gia nào ... quê hương, xứ sở. - Lòng yêu nước ... biết cách hành động. - Học lịch sử không chỉ ... bài học cho cuộc sống hôm nay. - Bài học lịch sử ... những sai lầm không đáng có. <p>4. Dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ thực tế: có những bạn trẻ không quan tâm đến lịch sử dân tộc, hậu quả của tình trạng đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí lẽ: <ul style="list-style-type: none"> + Thực tế: Nhiều người trẻ cho rằng, lịch sử là những về thuộc về xa xưa, không liên quan gì đến cuộc sống sôi động hằng ngày. + Việc thiếu hiểu biết về lịch sử ảnh hưởng rõ rệt đến nhân cách của người đó. + Một khi con người không có ý niệm gì ... khó tránh khỏi. - Dẫn chứng: <ul style="list-style-type: none"> + Họ không có nhu cầu tìm hiểu về quá khứ của đất nước.
---	---

	<p>+ Họ nhầm lẫn các thời kì, các sự kiện, các nhân vật lịch sử.</p> <p>+ Không ít bạn học sinh lúng túng khi được hỏi về các nhân vật và sự kiện lịch sử nổi bật được dùng đặt tên đường, tên phố...</p> <p>5. Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động</p> <p>- Ý nghĩa: Có thể viết về sự kiện hay nhân vật lịch sử bằng tất cả niềm hứng thú say mê.</p> <p>- Phương hướng hành động: Tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu trong thư viện, trên in-tơ-net, đến viện bảo tàng và nếu có điều kiện thì gặp gỡ các nhân chứng để được nghe kể lại một cách sống động những chuyện đã xảy ra.</p>
--	---

Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: HS nắm vững được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

c. Sản phẩm học tập: Bài văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn ý</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>1. Trước khi viết</p> <p>a. Lựa chọn đề tài</p> <p>Với yêu cầu nghị luận về vấn đề con người trong quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước, em cần huy động vốn hiểu biết qua môn học Ngữ văn và các môn học khác, qua sách báo và các phương tiện truyền thông, nêu ra</p>

<p>- HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, chốt:</p> <p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV mời 2 HS đọc <i>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</i> trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).</p> <p>- GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc thông tin về <i>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</i> trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>một số vấn đề để suy nghĩ, lựa chọn. Có thể tham khảo các đề tài sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện. - Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em. - Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống. <p>b. Tìm ý</p> <p>* Đề bài: Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước.</p> <p>Ghi nhanh ra giấy những ý nghĩ bất chợt nảy sinh trong quá trình tìm hiểu các khía cạnh của đề tài, kết hợp với việc tự trả lời các câu hỏi xoay quanh đề tài. Chẳng hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vấn đề có tầm quan trọng như thế nào?</i> <p>Phải nêu được vấn đề và xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đó đối với đời sống xã hội, cộng đồng, đất nước. Vai trò của việc nhận thức được trách nhiệm của mình với quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vấn đề có những khía cạnh cơ bản nào? Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để làm rõ từng khía cạnh?</i> <p>Mỗi khía cạnh của vấn đề được nêu ra tương ứng với một luận điểm (ý) cần triển khai. Tìm hiểu bài viết tham khảo để nắm được cách xác định:</p>
---	---

Nhiệm vụ 3:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.

- GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay.

+ Ý 1: Giải thích thế nào là trách nhiệm?

+ Ý 2: Nêu lên trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trước đất nước dân tộc.

+ Ý 3: Nêu ý nghĩa của trách nhiệm

+ Ý 4: Liên hệ bản thân

- Cần có hành động như thế nào sau khi nhận thức về vấn đề?

Văn bản nghị luận hướng người đọc đi từ nhận thức đến hành động.

Trả lời các câu hỏi trên, em sẽ tìm được các ý. Phải suy nghĩ, tìm tòi để không bỏ sót những ý quan trọng của bài. Em cần ghi lại ngay, mặc dù có thể còn lộn xộn. Việc sắp xếp các ý sao cho mạch lạc sẽ được thực hiện ở bước tiếp theo.

c. Lập dàn ý

Kết quả của việc tìm ý là cơ sở để lập dàn ý. Lập dàn ý là tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một hệ thống chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.

- *Mở bài:* Nêu vấn đề đời sống và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó.

- *Thân bài:* Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc.

+ Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng)

+ Liên hệ, mở rộng vấn đề? (Lí lẽ,

	<p>bằng chứng)</p> <p>- <i>Kết bài</i>: Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.</p> <p>2. Viết bài</p> <p>Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:</p> <p>- <i>Mở bài</i>: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.</p> <p>- <i>Thân bài</i>: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn, ...), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.</p> <p>- <i>Kết bài</i>: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn).</p> <p>3. Chỉnh sửa bài viết</p> <p>Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa</p> <p>- Nếu thấy vấn đề đời sống liên quan đến con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước nêu chưa rõ ràng, cụ thể thì cần bổ sung</p> <p>- Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn</p>
--	--

	chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

c. Sản phẩm học tập: Bài văn mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

+ Soạn trước bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bài viết mẫu:

Trong cuộc sống hằng ngày, ai cũng biết rằng tuổi trẻ là một thành phần, yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến tương lai đất nước, vì thế mà Bác đã căn dặn: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước đến đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần ở công học tập của các em”. Chúng ta cùng tìm hiểu vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay với tương lai đất nước dân tộc.

Tuổi trẻ là những công dân ở lứa thành niên, thanh niên... là thế hệ măng đã sắp thành tre, là người đã đủ điều kiện, đủ ý thức để nhận biết vai trò của mình đối với bản thân, xã hội. Tuổi trẻ của mỗi thời đại là niềm tự hào dân tộc, là lớp người tiên phong trong công cuộc xây dựng, đổi mới, phát triển đất nước.

Tương lai đất nước là vận mệnh, là số phận của đất nước mà mỗi công dân sẽ góp phần xây dựng, phát triển, trong đó quan trọng nhất là thế hệ trẻ.

Thế kỉ 21, thế kỉ của sự phát triển, không ngừng nâng cao trình độ văn hoá kinh tế, đất nước. Để có thể bắt kịp đà phát triển của những nước lớn mạnh thì đòi hỏi sự chung sức đồng lòng của tất cả mọi người mà lực lượng chủ yếu là tuổi trẻ. Bởi đó là lực lượng nòng cốt, là chủ nhân tương lai, là nhân vật chính góp phần tạo nên cái thế, cái dáng đứng cho non sông Tổ quốc.

Tuổi trẻ hôm nay là tôi, là bạn, là những anh chị đang có mặt trên giảng đường đại học, đang hoạt động bằng cả tâm huyết để cống hiến sức trẻ với những đam mê cùng lòng nhiệt tình bốc lửa. Tuổi trẻ tốt thì xã hội tốt, còn xã hội tốt sẽ tạo điều kiện cho tầng lớp trẻ phát triển toàn diện, sinh ra những người con có ích cho đất nước, đó là điều tất yếu, hiển nhiên mà ai cũng biết.

Mỗi người chúng ta cũng đi qua thời tuổi trẻ - tuổi của sức mạnh phi thường, của cái tuổi không chịu khuất phục trước khó khăn và sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn. Sức mạnh vô song của tuổi trẻ “sông kia phải chuyển, núi kia phải dời”. Chúng ta chỉ có một lần trong đời là tuổi trẻ vì vậy cần phải nắm bắt, cần đóng góp sức lực cho đất nước.

Việc xây dựng đất nước là trách nhiệm của mọi người, mọi công dân chứ không phải của riêng ai. Nhưng với số lượng đông đảo hàng chục triệu người thì lẽ nào tuổi trẻ lại không thể xây dựng đất nước. Chẳng lẽ chúng ta để cho những cụ già đi khuôn vác, lao động nặng, những phụ nữ phải ngày đêm làm việc trong các nhà xưởng đầy khói bụi, những trẻ em phải phụ giúp gia đình ngay còn nhỏ mà “quên” đi việc học hành, lúc đó chúng ta sẽ “làm” gì? Chẳng lẽ ngồi không như một “người bị liệt”. Vì vậy chúng ta phải cố gắng xây dựng đất nước như lời dặn của Bác: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, thì Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Sinh ra ở đời ai cũng khao khát được sống hạnh phúc, sung sướng. Mỗi người luôn tìm cho mình một lẽ sống hay nói đúng hơn là lý tưởng sống. Là chủ nhân tương lai thì chúng ta phải xác định cho mình lý tưởng sống phù hợp, đúng đắn. Trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá như hiện nay thì tuổi trẻ chúng ta lại đứng trước một câu hỏi lớn: “Sống như thế nào là đúng đắn là có ích cho xã hội?”. Vì lý tưởng sống của chúng ta là động lực thúc đẩy đất nước phát triển.

Và thời nào cũng vậy, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại khó. Điều đó đã được thể hiện rất rõ trong thời kỳ kháng chiến. Những người con đất nước như: Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Lê Văn Tám... đã hiến dâng cả tuổi trẻ của mình cho Tổ quốc. Đây là những thanh niên của hơn 40 năm trước còn lớp thanh niên ngày nay thì sao?

Vâng. Cách bạn ạ! Chúng ta nên biết một điều: những thế hệ trước đã dâng hiến xương máu để ngày sau độc lập thì chúng ta phải biết “cùng nhau giữ nước” và nối tiếp, kế thừa truyền thống cao đẹp đó. Và một điều quan trọng là các bạn đừng nghĩ đó là nghĩa vụ để rồi miễn cưỡng thực hiện. Chúng ta phải hiểu rằng: được sinh ra là một hạnh phúc và sống tự do, no đủ là một món quà quý báu, vô giá mà quê hương xã hội đã ban tặng. Hạnh phúc không tự nhiên mà có mà đó xương máu, tâm huyết của biết bao người con của đất nước. Mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh lịch sử mà thanh niên nuôi dưỡng những ước vọng, suy nghĩ riêng. Chúng ta không được bác bỏ, phủ nhận quá khứ hay công sức của những anh hùng dân tộc. Đơn giản là vì mỗi thế hệ đều có sứ mệnh riêng, nhận thức riêng mà chúng ta không nên so bì, tính toán. Vì vậy: “Không có chuyện lớp trẻ ngày nay quay lưng với quá khứ” (như tổng bí thư Đỗ Mười nói).

Nhưng tuổi trẻ chúng ta có điều kiện gì để xây dựng đất nước? Vâng, đó chính là học tập. Nói đến tuổi trẻ hôm nay là nói đến việc học hành... Trong cuộc sống ta gặp không ít trường hợp xem việc học là việc khổ sai chỉ do cha mẹ, thầy cô thúc ép,

chứ không ham học. Họ xem đi học như một hình thức giải khuây cho vui nên không cần học tập, coi học tập là một nỗi nhọc nhằn. Có người lại coi việc học là để ứng phó với đời, để không xấu hổ với mọi người, để có “bằng cấp” mà hãnh diện với đời, dù đó chỉ là “hàng giả” mà thực lực không làm được. Chúng chẳng những không đưa nước ta “sánh kịp với cường quốc năm châu” mà còn đưa nước ta về lạc hậu, lụi bại.

Cách duy nhất là phải học chân chính, học bằng khả năng của mình. Bước vào thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì ai nắm được tri thức thì mới có thể xây dựng đất nước, lèo lái chiếc thuyền số phận của non sông Tổ quốc. Và nhiệm vụ của chúng ta phải học, học nữa, học mãi. Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để chúng ta dễ dàng tiếp cận tri thức thì tương lai dân tộc mới xán lạn, lấp lánh hào quang.

Tóm lại, tuổi trẻ là người sẽ quyết định tương lai đất nước sau này. Tuổi trẻ nước ta đầy rẫy nhân tài sẽ góp phần cho dáng hình xứ sở. Ngay từ hôm nay, tôi, bạn và tất cả mọi người phải cố gắng học tập để sau này có thể giúp nước ta tiến nhanh trên con đường xây dựng và phát triển nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh.

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE. THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (Ý THỨC TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG CỦA HỌC SINH)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thuyết trình trước đám đông

3. Phẩm chất:

- Ý thức trách nhiệm với cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học
- b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Theo em để xây dựng một xã hội, cộng đồng văn minh, phát triển, chúng ta cần làm gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.
- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

- a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV đặt câu hỏi: + Trước khi nói, cần chuẩn bị những gì?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về <i>các bước trình bày bài nói</i></p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>1. Trước khi thảo luận</p> <p>- Từng thành viên trong lớp cần nêu vấn đề theo góc nhìn của mình, tập thể lớp trao đổi, thống nhất chọn một vấn đề trong đời sống phù hợp với tuổi, được nhiều người quan tâm làm đề tài cho cuộc thảo luận. Có thể xem lại các đề tài đã gợi ý ở phần Viết, hoặc tham khảo thêm một số đề tài sau để lựa chọn:</p> <p>+ Học sinh có cần quan tâm đến những vấn đề lớn lao của đất nước?</p> <p>+ Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông?</p> <p>+ Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc?</p> <p>- Sau khi thống nhất đề tài, mỗi cá nhân tự tìm hiểu, tham khảo thêm những tài liệu có liên quan, ghi chép nhanh các ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ để chuẩn bị phát biểu ý kiến thảo luận.</p> <p>- Lớp cử một người điều hành thảo</p>

	<p>luận đảm nhận sắp xếp, giới thiệu tuần tự các ý kiến, định hướng vào trọng tâm đề tài, kiểm soát thời gian phát biểu ý kiến của từng người; tổ chức đánh giá, tổng kết cuộc thảo luận.</p> <p>- Cử một thư kí ghi chép các ý kiến trong cuộc thảo luận.</p>
--	--

Hoạt động 2: Thảo luận

- a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về <i>hình thức và nội dung thảo luận</i></p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<p>- Người điều hành nhắc lại đề tài, nêu định hướng và mục đích thảo luận.</p> <p>- Theo định hướng của người điều hành, các thành viên trong lớp lần lượt phát biểu ý kiến. Ý kiến cần tập trung vào trọng tâm vấn đề, phân tích từng khía cạnh, có lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người nghe.</p> <p>- Người phát biểu sau có thể bàn</p>

<p>- GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>luận về vấn đề theo góc nhìn riêng, tán thành hay phản đối ý kiến của người phát biểu trước, trên cơ sở đó, khẳng định quan điểm của mình.</p> <p>- Các thành viên tham gia thảo luận cần nắm được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi và trình bày lại được nội dung các ý kiến đó.</p> <p>- Thư kí ghi chép các ý kiến, người điều hành dựa vào đó tổng hợp, kết luận về vấn đề. Tùy thực tế cuộc thảo luận, người điều hành có thể khẳng định sự đồng thuận của các ý kiến hoặc khái quát các nhóm ý kiến khác nhau. Mục đích cuối cùng là để mọi người hiểu sâu sắc hơn về bản chất vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp.</p>
--	--

Hoạt động 3: Đánh giá

- Mục tiêu:** Đánh giá để tìm ra điểm cần phát huy và hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện kỹ năng nói và nghe
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trao đổi về bài nói
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học	3. Đánh giá

<p>tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về <i>các tiêu chí đánh giá bài nói và nghe</i> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>Sau khi thảo luận, cả lớp cần tập trung trao đổi về một số khía cạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đời sống được thảo thực sự có ý nghĩa không, có tác động gì đến nhận thức của bản thân? - Các ý kiến phát biểu đã tập trung vào trọng tâm của vấn đề chưa, có tác dụng làm sáng tỏ vấn đề như thế nào? - Các thành viên tương tác với nhau ở mức độ nào, có thể hiện thái độ tôn trọng, học hỏi nhau trong thảo luận không? - Người điều hành và thư kí đã thể hiện đúng vai trò của mình chưa?
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để sửa bài nói cho các bạn khác

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đánh giá vào bảng

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV thu bảng đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài Củng cố, mở rộng

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe

<i>Tiêu chí</i>		<i>Chưa tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Xuất sắc</i>
<i>Mở đầu</i>	<i>Có lời chào ban đầu và giới thiệu</i>			
	<i>Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói</i>			
	<i>Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý</i>			

	chính)			
Nội dung chính	Vấn đề đời sống được thảo luận thực sự có ý nghĩa không, có tác động gì đến nhận thức của bản thân?			
	Các ý kiến phát biểu đã tập trung vào trọng tâm của vấn đề chưa, có tác dụng làm sáng tỏ vấn đề như thế nào?			
	Các thành viên tương tác với nhau ở mức độ nào, có thể hiện thái độ tôn trọng, học hỏi nhau trong thảo luận không?			
	Người điều hành và thư kí đã thể hiện đúng vai trò của mình chưa?			
Kết thúc	Khẳng định được ý nghĩa của vấn đề thảo luận			
	Rút ra được bài học nhận thức, hành động			
Kỹ năng trình bày	Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói			
	Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói			
	Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe			

TIẾT: ...CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Học sinh ôn tập kiến thức về luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận đã học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Điều em muốn nói”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “Qua chủ đề LỜI SÔNG NÚI , em hãy bày tỏ cảm xúc của mình khi học xong các văn bản đọc trong chủ đề?”
- GV gọi HS chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành ôn tập các kiến thức về luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại phần kiến thức đã học trong phần Tri thức ngữ văn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin 	<p>1. Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận đề là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV ôn tập lại lí thuyết cho học sinh</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chốt kiến thức.</p>	<p>nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.</p> <p>- Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày, có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.</p> <p>2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận</p> <p>Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể.</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề LỜI SÔNG NÚI
- Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 77
- Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 77

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số bài thơ khác cùng chủ đề về quê hương, đất nước, tự hào dân tộc

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm những bài thơ khác cùng chủ đề về quê hương, đất nước, tự hào dân tộc

c. Sản phẩm học tập: Phần thực hiện nhiệm vụ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Đáp án bài tập**

Câu 1 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền các thông tin phù hợp:

Văn bản	Thời điểm ra đời	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ	Bằng chứng
Hịch tướng sĩ					
Tinh thần yêu nước của nhân dân ta					

Văn bản	Thời điểm ra đời	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ	Bằng chứng
Hịch tướng sĩ	Cuối thế kỷ 13 trước cuộc chiến tranh Nguyên-Mông-Đại Việt lần 2	Khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính	<ul style="list-style-type: none"> - Tội ác của giặc và lòng căm thù giặc. - Phê phán thói hưởng lạc cá nhân từ đó thức tỉnh tinh thần yêu nước của tướng sĩ - Kêu gọi tướng sĩ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự ngược ngạo, tàn ác, tham lam của quân giặc. - Những thú vui tiêu khiển, sự giàu có cũng không thể chống lại quân giặc. Nếu để nước nhục thì chịu tiếng xấu muôn đời. - Chỉ có luyện binh đánh giặc mới có thể chiến thắng, cửa nhà no ấm, tiếng thơm muôn đời. - Dựa vào đạo thần chủ, trước sự xâm lược 	- Những tấm gương trung thần nghĩa sĩ: Kỷ Tín, Do Vu, Dư Nhượng, Kính Đức, Cảo Khanh, Vương Công Kiên, Nguyễn Văn Lập, Cốt Đãi Ngột Lang, Xích Tu Tư.

				<p>của quân Mông - Nguyên, Trần Quốc Tuấn coi giặc là kẻ thù không đội trời chung.</p> <p>- Nếu không rửa nhục cho chủ, cho nước thì muôn đời để thẹn, không còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa.</p>	
<p>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</p>	<p>Trong cuộc kháng chiến chống Pháp</p>	<p>Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta</p>	<p>- Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. - Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. - Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. - Bồn phận của chúng ta phải làm cho tinh thần yêu nước được thực hành vào công việc yêu nước, công</p>	<p>- Tinh thần yêu nước trong lịch sử (“ lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại”) - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày nay (“đồng bào ta ngày nay...”)</p>	<p>- Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... - “Mọi người dân từ trẻ đến già, từ miền xuôi đến miền ngược cùng một lòng yêu nước giết giặc, nam nữ công nhân và nông dân hăng hái tham gia sản xuất ... ”</p>

			việc kháng chiến.		
--	--	--	-------------------	--	--

Câu 2 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền thông tin phù hợp.

Xác định luận điểm	Hịch tướng sĩ	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
Luận điểm 1	- Đoạn từ ... đến ... - Đoạn văn thuộc kiểu:	- Đoạn từ ... đến ... - Đoạn văn thuộc kiểu:
Luận điểm 2	- Đoạn từ ... đến ... - Đoạn văn thuộc kiểu:	- Đoạn từ ... đến ... - Đoạn văn thuộc kiểu:
Luận điểm n	- Đoạn từ ... đến ... - Đoạn văn thuộc kiểu:	- Đoạn từ ... đến ... - Đoạn văn thuộc kiểu:

Trả lời:

Xác định luận điểm	Hịch tướng sĩ	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
Luận điểm 1	- Đoạn từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”. - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn quy nạp	- Đoạn từ đầu đến “lũ cướp nước” - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn diễn dịch
Luận điểm 2	- Đoạn từ “huống chi ta” đến “ta cũng vui lòng”. - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn song song	- Đoạn từ “lịch sử ta” đến “dân tộc anh hùng” - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp
Luận điểm 3	- Đoạn từ “các ngươi ở cùng ta” đến “phỏng có được không” - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp	- Đoạn từ “đồng bào ta” đến “lòng nồng nàn yêu nước” - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp

Luận điểm 4	- Đoạn từ “nay ta chọn binh pháp” đến hết - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn song song	- Đoạn từ “tinh thần yêu nước” đến hết - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn quy nạp
-------------	--	---

Câu 3 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Từ các thông tin ở hai bảng trên, hãy rút ra những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận.

Trả lời:

Những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận:

Một bài văn nghị luận có luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. Bài văn có luận điểm chính và luận điểm phụ:

- + Luận điểm ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định, diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu
- + Luận điểm cần đúng đắn, tiêu biểu mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục
- + Lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm, luận cứ phải chân thật, đúng đắn thì mới khiến luận điểm có sức thuyết phục

Câu 4 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Nêu những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

Trả lời:

Những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:

- Giống nhau: Dẫn chứng đều là những nhân vật có thật trong lịch sử.
- Khác nhau:
 - + Hịch tướng sĩ dùng dẫn chứng để khích lệ binh lính chiến đấu.
 - + Tinh thần yêu nước của nhân dân ta dùng dẫn chứng để bày tỏ truyền thống yêu nước của dân tộc.

Câu 5 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Tìm đọc một văn bản nghị luận bàn về vấn đề xã hội, ghi vào vở luận đề, các luận điểm, các kiểu đoạn văn được sử dụng ở văn bản đó.

Trả lời:

Ví dụ văn bản: Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc – Phạm Thị Ngọc Diễm.

- Luận đề: Phải chăng chỉ có ngọt ngào làm nên hạnh phúc?

- Luận điểm:

+ Ngọt ngào là hạnh phúc

+ Hạnh phúc không chỉ đến từ những điều ngọt ngào ấy, nó còn có thể được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, thậm chí là nỗi đau.

- Các kiểu đoạn văn:

+ Đoạn 1: Đoạn văn diễn dịch

+ Đoạn 2: Đoạn văn quy nạp

+ Đoạn 3: Đoạn văn hỗn hợp

+ Đoạn 4: Đoạn văn diễn dịch

+ Đoạn 5: Đoạn văn quy nạp

+ Đoạn 6: Đoạn văn hỗn hợp

TIẾT...: THỰC HÀNH ĐỌC: CHIẾU DỜI ĐÔ (Lý Công Uẩn)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể chiếu
- HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chiều dờn đô*

b. Nội dung: GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Lý

c. Sản phẩm: HS quan sát video

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video: <https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY>

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát video

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- HS theo dõi video

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Hiểu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm
- Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi văn bản <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí Công Uẩn (974-1028), tức Lí Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang (Tứ Sơn, Bắc Ninh). - Là người thông minh, có chí lớn, lập được nhiều chiến công. - Phong cách sáng tác: chủ yếu là đề ban bố mệnh lệnh, thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao, có ảnh hưởng đến vận nước. <p>2. Tác phẩm</p> <ol style="list-style-type: none"> Hoàn cảnh sáng tác: <ul style="list-style-type: none"> - Năm 1010, Lí Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Nhân dịp này ông đã viết bài chiếu để thông báo rộng rãi cho nhân dân biết. Bố cục : 3 phần

	<p>- Phần 1: Từ đầu → “không thể không đòi đòi”: Lí do đòi đô.</p> <p>- Phần 2: Tiếp theo → “để vương muôn đời”: Lí do chọn Đại La làm kinh đô.</p> <p>- Phần 3: Còn lại: Quyết định đòi đô.</p> <p>c, Thể loại: Chiếu – là thể văn được vua dùng để ban bố mệnh lệnh.</p>
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

b. Mục tiêu: HS chỉ ra và phân tích được hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc đòi đô từ Hoa Lư về Đại La

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ Tìm những lí lẽ, bằng chứng Lý Công Uẩn đưa ra để thuyết phục quan lại, nhân dân đòi đô</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Lí do cần đòi đô</p> <p>- Đòi đô là việc thường xuyên xảy ra trong lịch sử và đem lại lợi ích lâu dài</p> <p>+ Nhà Thương: 5 lần đòi đô</p> <p>+ Nhà Chu: 3 lần đòi đô</p> <p>- Mục đích:</p> <p>+ Kinh đô được đặt ở một nơi trung tâm của đất trời, phong thủy và khẳng định vị thế</p>

<p>tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> + Thuận lợi cho sự nghiệp, mưu toan việc lớn + Là nơi thích hợp để có thể tồn tại đất nước, tính kế muôn đời cho con cháu <p>- Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vận mệnh đất nước được lâu dài + Phong tục, tập quán, lối sống đa dạng, phồn thịnh <p>- Nhà Đinh- Lê đóng đô một chỗ là hạn chế</p> <p>- Hậu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Triều đại không lâu bền, suy yếu không vững mạnh dễ dàng bị suy vong + Trăm họ hao tổn + Số phận ngắn ngủi, không tồn tại + Cuộc sống, vạn vật không thích nghi <p>⇒ Dời đô là việc làm chính nghĩa, vì nước vì dân, nghe theo mệnh trời, thể hiện thực lực của nước ta lớn mạnh, ý chí tự cường</p> <p>2. Nguyên nhân chọn Đại La làm kinh đô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lợi thế của thành Đại La <ul style="list-style-type: none"> + Về lịch sử: là kinh đô cũ của Cao Vương + Về địa lí: Trung tâm trời đất, địa thế rộng mà bằng, đất cao mà thoáng,
--	---

	<p>địa thế đẹp, lợi ích mọi mặt</p> <p>+ Dân cư khỏi chịu cảnh ngập lụt, mọi vật phong phú, tốt tươi, là mảnh đất thịnh vượng ⇒ Xứng đáng là nêi định đô bền vững, là nêi để phát triển, đưa đất nước phát triển phồn thịnh</p> <p>- Bài Chiếu bên cạnh tính chất mệnh lệnh còn có tính chất tâm tình khi nhà vua hỏi qua ý kiến các quần thần</p> <p>⇒ Luận cứ có tính thuyết phục vì được phân tích trên nhiều mặt ⇒ Chọn Đại La làm kinh đô là một lựa chọn đúng đắn, nên đây xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn năm.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Chiếu dời đô*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi *Vì sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?*

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vì sao nói việc “Chiếu dời đô” ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài trắc nghiệm về văn bản Chiếu dời đô

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: ý nào nói đúng nhất mục đích của thể chiếu ?

- A. Giải bày tình cảm của người viết.
- B. Kêu gọi, cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù.
- C. Miêu tả phong cảnh, kể sự việc.
- D. Ban bố mệnh lệnh của nhà vua.

Chọn đáp án: D

Câu 2: . Lí Công Uẩn viện dẫn sử sách Trung Quốc nói về việc các vua nhà Thương, nhà Chu đã nhiều lần dời đô nhằm chứng tỏ việc dời đô xưa nay không phải là việc làm tùy tiện mà luôn gắn liền với yêu cầu xây dựng kinh đô ở nơi trung tâm, tạo nền móng cho sự phát triển lâu dài của đất nước và phù hợp với ‘ý dân’, ‘mệnh trời’. Đúng hay sai ?

- A. Đúng B. Sai

Chọn đáp án: A

Câu 3: Câu ‘Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi’ là câu phủ định. Đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Chọn đáp án: B

Câu 4: Dòng nào nói đúng nhất ý nghĩa của câu ‘Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi’.

- A. Phủ định sự cần thiết của việc dời đô.

- B. Phủ định sự đau xót của nhà vua trước việc phải dời đô.
- C. Khẳng định sự cần thiết phải dời đô kinh đô.
- D. Khẳng định lòng yêu nước của nhà vua.

Chọn đáp án: C

Câu 5: Những lợi thế của thành Đại La là gì?

- A. Ở vào nơi trung tâm của trời đất, được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi.
- B. Đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông, dựa núi.
- C. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà lại thoáng.
- D. cả A, B và C.

Chọn đáp án: D

Câu 6: Chiều dời đô được viết theo phương thức biểu đạt chính nào ?

- A. Tự sự C. Thuyết minh
- B. Biểu cảm D. Nghị luận

Chọn đáp án: D

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
- + Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	TỐT	XUẤT SẮC
----------	-------------	-----	----------

	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**